

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2022/HS-ST
Ngày 11/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ton

Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Truyền Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 25/02/2022 đối với bị cáo:

D , sinh ngày 30/4/2001; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V và bà H; Vợ con chưa có; Có 01 em sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Tr – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- Bị hại: Anh Q , sinh năm 2001;

Trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tr , sinh ngày 30/3/2003;

Trú tại: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

2. Th , sinh ngày 01/4/ 2002;

Trú tại: Số 97/10A, K 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Tu, sinh năm 1966;

Trú tại: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

2. Anh To, sinh năm 2002;

Trú tại: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

3. L, sinh năm 2001;

Trú tại: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 26/12/2020, D, C, To, B, L và T (bạn trai của C) tổ chức uống rượu tại quán Mai Rừng thuộc khu phố 6 thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Q (bạn trai cũ của C) đến cùng tham gia uống rượu chung với nhóm của D và gây sự đòi đánh T do ghen tuông với tình cảm mới của C. Thấy vậy, D gọi điện thoại cho Th hỏi mượn con dao để chặt dừa uống nước, nhưng mục đích của D là để đánh Q bênh vực cho T. Khi Th mang dao đến, T không đưa dao cho D mà vẫn để dao trong túi quần và tham gia cùng uống rượu với cả nhóm. Một lúc sau, Q bất ngờ lấy nón bảo hiểm đánh To thì D liền giật lấy con dao trong túi quần của Th chém một nhát trúng vào trán của Q nên Q bỏ chạy và được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri điều trị thương tích, còn nhóm của D thì bỏ về. Khi về đến cửa hàng Bách Hóa Xanh thuộc xã A, huyện B, C điện thoại cho Q thì D đứng kế bên nghe Quang nói với C sẽ đánh D sau khi Quang ra viện. Nghe vậy, D chạy xe mô tô thẳng xuống Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri xông vào khoa cấp cứu cầm dao chém liên tục 02 nhát trúng vào tay Q gây thương tích thì bị ông V (cha ruột Quang) ngăn cản nên D bỏ về. Trên đường về, D ném bỏ mất con dao gây án.

Vật chứng thu giữ là 01 dùi cui kim loại dài 65cm gồm 03 khúc được làm bằng kim loại màu vàng, khúc đầu dài 21cm, khúc giữa dài 20 cm và khúc cuối dài 24cm được quấn một lớp cao su màu đen (chưa xử lý).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 58-0221/TgT ngày 03/3/2021 và công văn số 16/GĐTH-PY ngày 28/01/2022, Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Q như sau: Vết thương mặt

sau 1/3 dưới cẳng tay phải khoảng 06 x 02cm sắc gọn, đứt gân đuôi ngón 4, 5, gân đuôi cổ tay trụ đã lành sẹo kích thước 09 x 0,3cm: 02%; Xương cẳng tay phải gãy 1/3 dưới xương trụ: 10%; vết thương mặt sau cẳng tay trái kích thước 30 x 02cm lộ gân cơ, hiện vết thương đã lành sẹo kích thước 25 x 0,5cm: 02%; tổng cộng 14%. Vết thương vùng trán 01cm đã lành sẹo kích thước 07 x 0,1cm: 06%; 02 vết thương gò má (mặt) phải khoảng 01cm gồm: Vết thương vùng dưới đuôi mắt phải đã lành sẹo kích thước 02 x 0,1cm: 03%, vết thương vùng hàm dưới bên phải đã lành sẹo kích thước 01 x 0,1cm: 01%; tổng cộng 10%. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%.

Tại Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSBT ngày 07/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố bị cáo D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c, đ (thuộc điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo D phạm tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dùi cui kim loại dài 65cm gồm 03 khúc được làm bằng kim loại màu vàng, khúc đầu dài 21cm, khúc giữa dài 20 cm và khúc cuối dài 24cm được quấn một lớp cao su màu đen là công cụ nguy hiểm.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi gây thương tích đã thực hiện và đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình để nuôi vợ còn và lao động để bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị, người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bị cáo mất mẹ và phải phụ cha

nuôi em còn nhỏ, bị cáo có thân thân tốt nên mong HĐXX xét xử bị cáo mức thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sớm về lao động chăm lo cho gia đình. Về hình phạt, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

Tại phiên tòa, người bị hại Q trình bày: Anh Q thống nhất với nội dung của bản cáo trạng nêu và những gì bị cáo trình bày là đúng, anh Quang đã nhận đủ số tiền bồi thường 15.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự, anh Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tr và người làm chứng To vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tiến hành tố tụng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do tính hung hăng côn đồ và xem thường sức khỏe của người khác, D đã 02 lần có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh Q gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22% (lần 1 là 14%, lần 2 là 10%); vụ việc xảy ra vào khoảng từ 20 giờ đến 21 giờ ngày 26/12/2020 tại quán Mai

Rừng và Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri thuộc khu phố 6 thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo D về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” và “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này ” và thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm c, đ (thuộc điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo hoàn toàn nhận thức và ý thức được việc gây thương tích cho người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra những đau đớn về thể xác cho người bị hại, gây tổn kém về tiền bạc cho việc điều trị. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có người thân trong gia đình có công cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cho bị cáo được HĐXX chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, HĐXX thấy rằng: Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo 02 lần thực hiện hành vi gây thương tích cho người bị hại, trong đó lần thứ 02 bị cáo vào khoa cấp cứu Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri

để gây thương tích cho bị hại đã gây tâm lý hoang man trong khu điều trị cấp cứu. Vì vậy, mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị đối với bị cáo không tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nên không được HĐXX chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 dùi cui kim loại dài 65cm gồm 03 khúc được làm bằng kim loại màu vàng, khúc đầu dài 21cm, khúc giữa dài 20 cm và khúc cuối dài 24cm được quấn một lớp cao su màu đen là công cụ nguy hiểm nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 15.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo D phạm “Tội cố ý gây thương tích”.
2. Căn cứ điểm c, đ (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;
Xử phạt bị cáo D 03 (Ba) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.
3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.
4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:
Tịch thu tiêu hủy 01 dùi cui kim loại dài 65cm gồm 03 khúc được làm bằng kim loại màu vàng, khúc đầu dài 21cm, khúc giữa dài 20 cm và khúc cuối dài 24cm được quấn một lớp cao su màu đen. Theo phiếu nhập kho số: NKTV: 08 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.
5. Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;
Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Dương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tri;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng